

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 08/01/2026
V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Hà Ứng Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 3125/1 Quốc lộ 80, ấp PQ A, xã TA, thành phố CT.

- *Bị đơn:* Anh **Phan Thanh C**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 31 đường NTH, khu phố K, xã TH, tỉnh AG.

(chị T có mặt tại phiên tòa, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh T trình bày:**

Chị và anh Phan Thanh C chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Về con chung: có 03 con chung tên Phan Thị T, sinh ngày 20/7/2006; Phan Thị T M, sinh ngày 07/7/2009 và Phan Thị TT, sinh ngày

19/3/2012. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dù vợ chồng chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Phan Thanh C.

- Về con chung: Đối với con chung tên Phan Thị T, sinh ngày 20/7/2006 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Thị T M, sinh ngày 07/7/2009 và Phan Thị TT, sinh ngày 19/3/2012, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn anh Phan Thanh C:** Đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh Phan Thanh C có đơn xin xét xử vắng mặt và Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

*** Tại Biên bản xác minh ngày 03/11/2025 đối với Trưởng ấp Kinh B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang:** Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Phan Thanh C thì chính quyền địa phương không biết. Hiện nay vợ chồng đương sự Phan Thanh C và vợ là Nguyễn Thị Anh T không còn chung sống với nhau vì đương sự Thư đã bỏ nhà đi rất lâu, không nhớ chính xác thời gian, còn đương sự Cương thì đi làm ăn thường xuyên vắng nhà 01 đến 02 tháng mới về một lần.

*** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 26/11/2025 cháu Phan Thị T M trình bày:**

Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 26/11/2025 cháu Phan Thị Thuỷ Tiên trình bày:**

Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với anh Phan Thanh C nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, bị đơn anh Phan Thanh C có nơi cư trú tại số nhà 31 đường Nguyễn Thái Học, khu phố Kinh B, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Anh Phan Thanh C chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Anh T, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn, do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Phan Thanh C chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn Thị Anh T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh Phan Thanh C sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình vợ chồng không hòa hợp và anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Anh T xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Phan Thanh C và kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Anh T và anh Phan Thanh C không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Anh T đối với anh Phan Thanh C theo quy định tại khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Anh T và anh Phan Thanh C có 03 con chung gồm: Phan Thị T, sinh ngày 20/7/2006; Phan Thị T M, sinh ngày 07/7/2009 và Phan Thị TT, sinh ngày 19/3/2012. Đối với cháu Phan Thị T, sinh ngày 20/7/2006 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phan Thị T M, sinh ngày 07/7/2009 và cháu Phan Thị TT, sinh ngày 19/3/2012, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ sau khi chị T và anh C ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu My và cháu Tiên, đồng thời 02 cháu cũng có nguyện vọng được chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu My và cháu Tiên cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của các cháu là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và cũng phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Phan Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C đúng theo quy định pháp luật nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh C. Mặt khác, tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh C thì anh chị không tạo lập được tài sản chung và cam kết anh chị không có nợ ai nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Phan Thanh C.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Anh T là nguyên đơn trong vụ án nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Anh T về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Phan Thanh C.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với anh Phan Thanh C.

2. Về con chung: Đối với con chung tên Phan Thị T, sinh ngày 20/7/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao 02 con chung là cháu Phan Thị T M, sinh ngày 07/7/2009 và cháu Phan Thị TT, sinh ngày 19/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Anh T chăm sóc nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Anh T tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Phan Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Anh T xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004379 ngày 14/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh